TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **226**/2024/KDTM-PT
Ngày: 16-09-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Thẩm phán: 1. Bà Ngô Thị Phúc Hảo

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2024/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4265/2024/QĐXX-PT ngày 31 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10647/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13131/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T

Trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khắc K hoặc ông Lê Gia Đ; Địa chỉ: Tầng 1- Tòa nhà A, 96 C, Phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 3812/2004/UQ-PGĐ ngày 26/8/2024).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Sài Gòn F

Địa chỉ: 228 đường 19 tháng 5 B, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: 226 đường 19 tháng 5 B, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/2/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Lê Ngọc Phi L – sinh năm 1975; Địa chỉ: 226 đường 19 tháng 5 B, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Sài Gòn F và ông Đoàn Lê Ngọc Phi L.

(Tại phiên tòa: ông K, ông Đ, bà T có mặt; ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

* Nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Sài Gòn F (*sau đây gọi tắt là Công ty F*) có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất giường tủ, bàn ghế nội thất, theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/18/0131//HDHM ngày 14/11/2018 và số EGD/20036 ngày 17/3/2020 như sau: Khế ước nhận nợ số SME/EGD/20036-01/HDHM ngày 18/03/2020, số tiền vay 492.000.000 đồng, trong thời hạn 08 tháng, ngày giải ngân 18/3/2020; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/20036-02/HDHM ngày 15/04/2020, số tiền vay 373.000.000 đồng, trong thời hạn 07 tháng, ngày giải ngân 15/4/2020; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/20036-03/HDHM ngày 19/05/2020, số tiền vay 335.000.000 đồng, trong thời hạn 06 tháng, ngày giải ngân 19/05/2020; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/20036-04/HDHM ngày 18/06/2020, số tiền vay 478.000.000 đồng, trong thời hạn 05 tháng, ngày giải ngân 18/06/2020; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/20036-05/HDHM ngày 17/7/2020, số tiền vay 482.000.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng, ngày giải ngân 17/7/2020; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/18/0131/HDHM-12 ngày 19/9/2019, số tiền vay 517.500.000 đồng, trong thời hạn 12 tháng, ngày giải ngân 19/9/2019; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/18/0131/HDHM-13 ngày 18/10/2019, số tiền vay 549.934.485 đồng, trong thời hạn 12 tháng, ngày giải ngân 18/10/2019; Khế ước nhận nợ số SME/EGD/18/0131/HDHM-14 ngày 08/11/2019, số tiền vay 619.000.000 đồng, trong thời hạn 12 tháng, ngày giải ngân 08/11/2019. Tại các khế ước nhận nợ các bên thỏa thuận mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 19.6%/năm, cố định trong vòng 01 tháng, sau đó sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tất cả các khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Đoàn Lê Ngọc Phi L theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/18/0131/HDBL ngày 14/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số EGD/20037 ngày 17/3/2020 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đoàn Lê Ngọc Phi L.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty F đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty F để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty F vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty F trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/5/2024 là 3.773.973.765 đồng, trong đó: nợ gốc 1.807.031.119 đồng, nợ lãi trong hạn 30.816.169 đồng, nợ lãi quá hạn 1.924.610.517 đồng, nợ lãi chậm trả 11.515.960 đồng. Công ty F phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp Công ty F không thanh toán xong nợ thì ông Đoàn Lê Ngọc Phi L phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền còn nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh.

* Bị đơn trình bày:

Công ty F xác nhận có ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh như nguyên đơn trình bày. Hiện nay Công ty F do trong quá trình hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nên bị giảm doanh số và thua lỗ vẫn chưa khắc phục được, dẫn đến việc nợ xấu. Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì Công ty F đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho Công ty F đến thời điểm hiện tại. Với khả năng hiện tại bằng bảo lãnh của người đại diện theo pháp luật thì công ty có thể đồng ý thanh toán tổng nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt… dưới 1.950.000.000 đồng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

Công ty cổ phần Sài Gòn F phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T tổng số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2024) là 3.773.973.765 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.807.031.119 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.816.169 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.924.610.517 đồng, nợ lãi chậm trả là 11.515.960 đồng.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp Công ty Cổ phần Sài Gòn F không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là cá nhân ông Đoàn Lê Ngọc Phi L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0131/HDBL ngày 26/11/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/5/2024 bị đơn Công ty Cổ phần Sài Gòn F và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Lê Ngọc Phi L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không ý toàn bộ bản án.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày. Bị đơn xác nhận số nợ gốc nhưng đề nghị xem xét lại tiền lãi vì Ngân hàng áp dụng mức lãi suất không đúng quy định. Ngoài ra, bị đơn có mua bảo hiểm cho khoản vay nhưng không được Ngân hàng bảo hiểm cho khoản vay này

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Lê Ngọc Phi L: vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Sài Gòn F do không có căn cứ, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Lê Ngọc Phi L do ông L đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét, các đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Sài Gòn F và ông Đoàn Lê Ngọc Phi L còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét, ông Đoàn Lê Ngọc Phi L là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Sài Gòn F:

[3.1] Xét, trên cơ sở thừa nhận của các đương sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định các Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EGD/18/0131//HDHM ngày 14/11/2018 và số EGD/20036 ngày 17/3/2020, các Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGD/18/0131/HDBL ngày 14/11/2018 và số EGD/20037 ngày 17/3/2020 có nội dung và hình thức phù hợp

với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Căn cứ các Khế ước nhận nợ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, xác nhận của đại diện bị đơn có cơ sở xác định Công ty F có vay tiền như Ngân hàng trình bày và Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân đủ cho bị đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ gồm nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty F phải thanh toán số tiền còn nợ 3.773.973.765 đồng, trong đó: nợ gốc 1.807.031.119 đồng, nợ lãi trong hạn 30.816.169 đồng, nợ lãi quá hạn 1.924.610.517 đồng, nợ lãi chậm trả 11.515.960 đồng cho Ngân hàng là có cơ sở.

Về ý kiến của bị đơn cho rằng có mua bảo hiểm cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng thể hiện tại bảng sao kê nhưng không nêu rõ nội dung khoản tiền và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[3.2] Xét hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0131/HDBL ngày 26/11/2018 có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bên bảo lãnh là cá nhân ông Đoàn Lê Ngọc Phi L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0131/HDBL ngày 26/11/2018 trong trường hợp Công ty F không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích nêu trên, phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty F và ông Đoàn Lê Ngọc Phi L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty F và ông Đoàn Lê Ngọc Phi L phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Sài Gòn F; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Lê Ngọc Phi L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

Công ty Cổ phần Sài Gòn F phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T tổng số tiền chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2024) là 3.773.973.765 *(Ba tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm*) đồng trong đó: nợ gốc 1.807.031.119 đồng, nợ lãi trong hạn 30.816.169 đồng, nợ lãi quá hạn 1.924.610.517 đồng, nợ lãi chậm trả 11.515.960 đồng.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp Công ty Cổ phần Sài Gòn F không có khả năng thanh toán thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là cá nhân ông Đoàn Lê Ngọc Phi L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh số SME/EPL/18/0131/HDBL ngày 26/11/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Sài Gòn F phải chịu án phí là 107.479.475 *(Một trăm linh bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm*) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 37.912.899 (*Ba mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm*

chín mươi chín) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0072146 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Sài Gòn F phải chịu án phí là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu số 0008246 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Sài Gòn F đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Đoàn Lê Ngọc Phi L phải chịu án phí là 2.000.000 (Hai triệu) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008247 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đoàn Lê Ngọc Phi L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường